CTCP Viglacera Hạ Long (HNX: VHL)

FireAnt

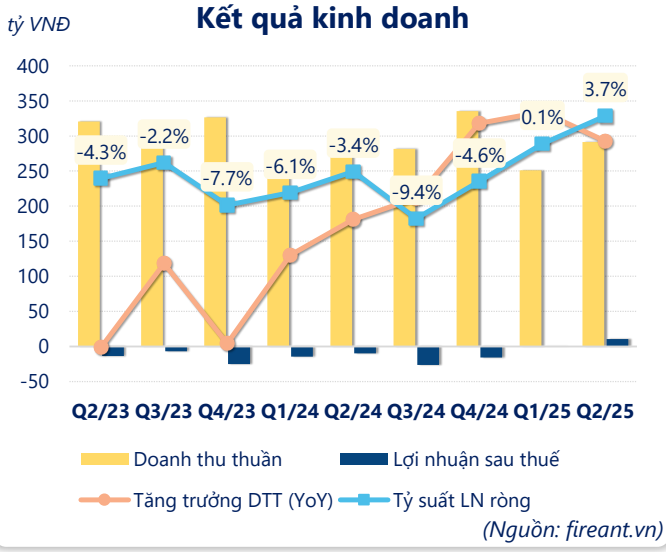
Ngày 30/06/2025	11,000 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	0.9%	4.8%	10.0%

ROE Q2/25: -6.2% | +/- YoY ▲ 4.2%

	Q2/25	QoQ	YoY
DT thuần	291 tỷ VNĐ	▲ 40.0 ▲ 16.1%	▲ 1.00 ▲ 0.5%
LN gộp	52.5 tỷ VNĐ	▲ 5.80 ▲ 12.4%	▲ 24.4 ▲ 86.8%
LN thuần	11.4 tỷ VNĐ	▲ 9.72 ▲ 579%	▲ 15.7 ▲ 363%
LN sau thuế	10.6 tỷ VNĐ	▲ 10.3 ▲ 3226%	▲ 20.4 ▲ 208%

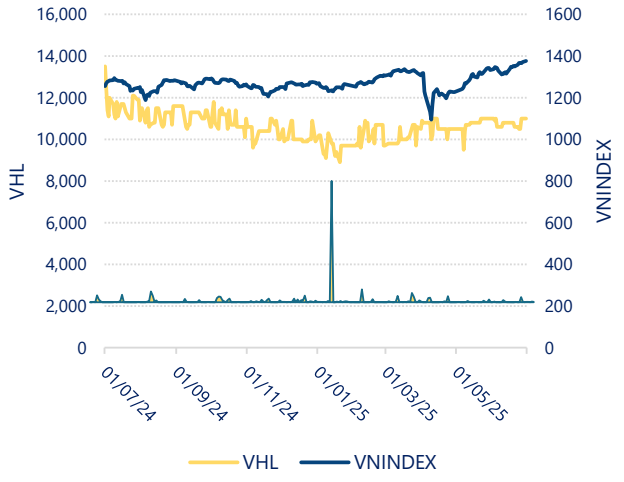
	6T 2025	YoY
DT thuần	543 tỷ VNĐ	▲ 12.0 ▲ 2.1%
LN gộp	99.2 tỷ VNĐ	▲ 45.6 ▲ 85.1%
LN thuần	13.1 tỷ VNĐ	▲ 30.5 ▲ 175%
LN sau thuế	11.0 tỷ VNĐ	▲ 35.5 ▲ 145%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

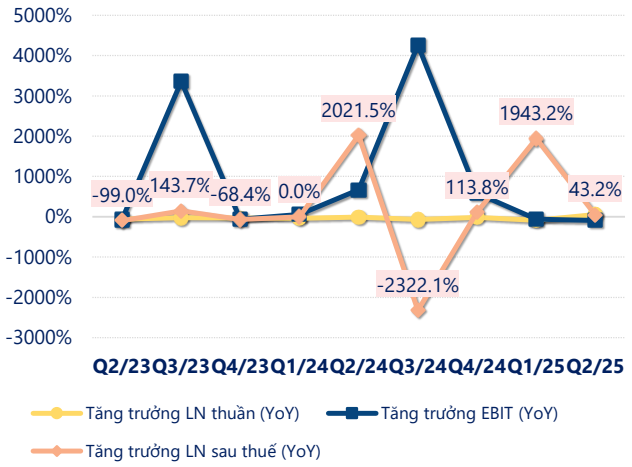
Lịch sử giá



CTCP Viglacera Hạ Long (HNX: VHL)

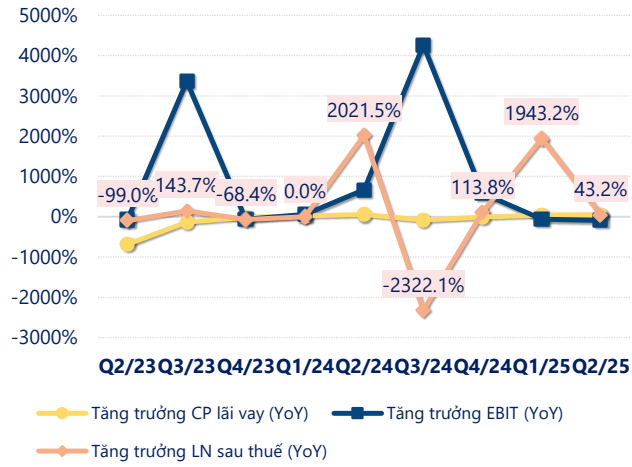
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



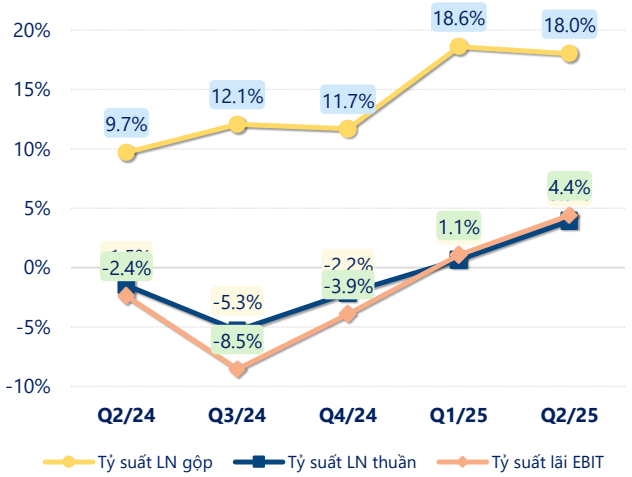
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



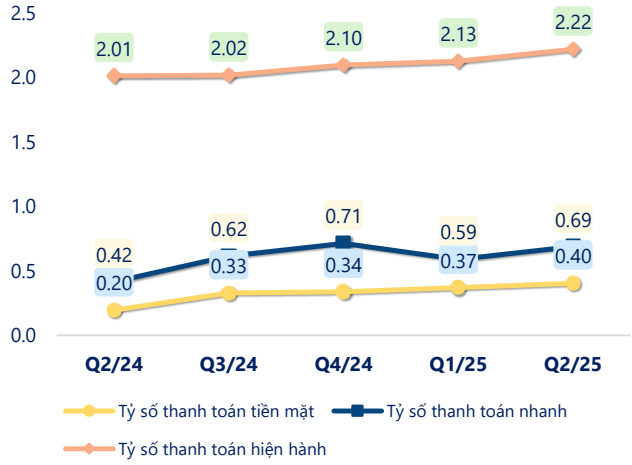
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



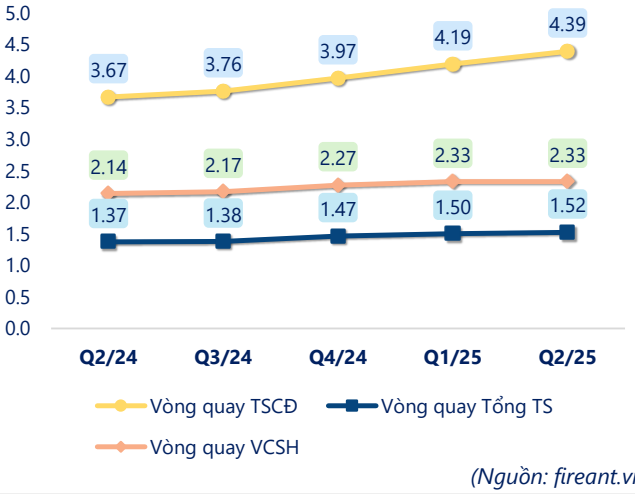
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



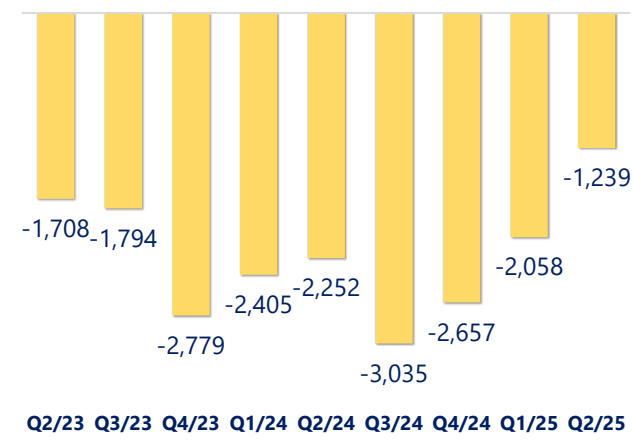
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

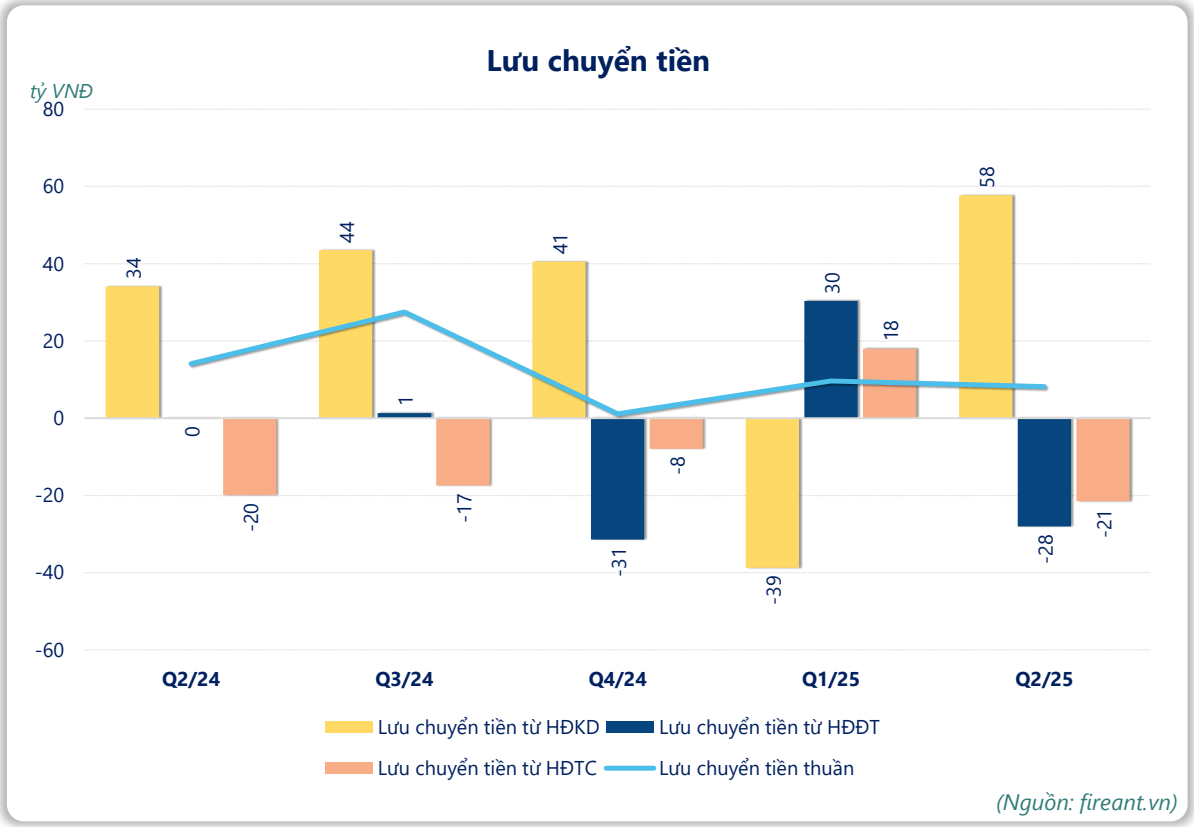


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Viglacera Hạ Long (HNX: VHL)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**291**	**290**	**0.5%**	**543**	**531**	**2.1%**
Giá vốn hàng bán	239	262	-8.8%	443	478	-7.2%
Lợi nhuận gộp	52.5	28.1	86.8%	99.2	53.6	85.1%
Doanh thu HĐTC	1.90	0.32	494%	2.23	0.61	263%
Chi phí TC	1.00	1.80	-44.3%	2.35	3.58	-34.5%
Chi phí lãi vay	0.97	1.40	-30.5%	2.25	3.16	-28.8%
LN trong công ty LKLD	**-1.65**	**-3.52**	**53.2%**	**-4.54**	**-8.61**	**47.3%**
Chi phí bán hàng	28.7	15.7	82.6%	58.4	36.6	59.5%
Chi phí QLDN	**11.6**	**11.8**	**-1.3%**	**23.1**	**22.8**	**1.2%**
LN thuần từ HĐKD	11.4	-4.34	363%	13.1	-17.4	175%
Lợi nhuận khác	**0.46**	**-4.00**	**112%**	**0.17**	**-4.54**	**104%**
LN trước thuế	11.9	-8.34	242%	13.3	-21.9	161%
Lợi nhuận sau thuế	**10.6**	**-9.84**	**208%**	**11.0**	**-24.5**	**145%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.6**	**-9.84**	**208%**	**11.0**	**-24.5**	**145%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)